

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN THANH**

2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 929/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **VÕ THỊ THUÝ P**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN HỮU T**, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 11/12/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Võ Thị Thuý P trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm và anh T có đánh chị một lần. Anh chị ly thân khoảng một tháng nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Con chung có một cháu tên Nguyễn Gia M, sinh ngày 04/6/2013, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi cháu M trưởng thành tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 04/01/2018, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về thời gian phát sinh mâu thuẫn chỉ một tháng nay,

nguyên nhân do anh đánh vợ một lần còn ngoài ra không có mâu thuẫn gì lớn. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị P, do còn thương vợ thương con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Hữu T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo chị P trình bày thì vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, anh T có đánh chị một lần và anh chị đã ly thân khoảng một tháng nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T. Về phía anh T căn cứ vào lời trình bày của anh có trong hồ sơ vụ án thì anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh chỉ đánh vợ một lần vì trong lúc quá nóng giận nên anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con, mong muốn vợ chồng hàn gắn để chăm sóc con cái còn quá nhỏ. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T là không có cơ sở. Bởi lẽ, mâu thuẫn xảy ra giữa anh chị không lớn chỉ do bất đồng quan điểm, trong lúc giận dữ anh T có đánh chị P một lần. Bản thân anh T cũng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để sắp xếp lại cuộc sống gia đình êm ấm, ổn thỏa lo con chung. Đồng thời, anh chị cũng chỉ mới ly thân khoảng cuối năm 2017 đến nay. Do đó, đời sống hôn nhân của anh chị chưa thật sự đổ vỡ mà còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được để dung hoà cuộc sống chung, xây dựng lại hạnh phúc gia đình lo cho con cái, cũng như chưa đủ các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để cho anh chị ly hôn. Cho nên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P là có căn cứ.

[3] Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P nên không đặt ra xem xét các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Thuý P.

Về án phí: Chị Võ Thị Thuý P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 07949 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

